

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-ST

Ngày 30/09/2020

“V/v Tranh chấp Hợp đồng Tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Tiến Hóa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST-DS, ngày 16/01/2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS, ngày 28/08/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L;

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Th, Phường Vĩnh Thanh V, TP. Rạch Gi, tỉnh Kiên Gi.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí Nh – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh tỉnh Đắk L;

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1982 – Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân; Địa chỉ: 146 Hoàng D, thành phố Buôn Ma Th, tỉnh Đắk L – Có mặt;

Bị đơn: Anh Khổng Đức N, sinh năm 1986 và chị Bùi Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 8, xã Đắk Búk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/08/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24/08/2018, anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L hợp đồng tín dụng số 848/18/HĐTD/0700-5781 để vay số tiền 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*). Mục đích vay vốn: đầu tư chăm sóc cà phê, hồ tiêu, nuôi bò và mua

thiết bị sản xuất nông nghiệp; Thời hạn vay 12 tháng; thời hạn thanh toán vào ngày 24/08/2019. Lãi suất cho vay 10,44%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế. (Trong suốt thời gian của hiệu lực hợp đồng tín dụng này, lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo quy định của bên Ngân hàng Kiên L - Chi nhánh Đắk L theo từng thời kỳ trong các trường hợp sau: Sau 03 tháng kể từ thời điểm thay đổi lãi suất vay đầu tiên, hoặc khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng lãi suất cơ bản của loại tiền đang vay, hoặc khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất, mà các thay đổi đó làm cho lãi suất cho vay (có thể được áp dụng theo các quy định của pháp luật) tăng lên. Trong trường hợp thay đổi lãi suất cho vay thì lãi suất cho vay mới được tính bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Kiên L tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,69%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức vay)).

Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liên trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày.

Hình thức thanh toán: Vốn vay trả lãi cuối kỳ. Lãi tiền vay trả 06 tháng/lần. Ngân hàng đã giải ngân đủ cho anh Nam, chị Lan vào ngày 24/08/2018.

Để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay, hai bên đã tiến hành ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 862/17/HĐTC-BDS/0700-4055 và 862.01/17/HĐTC-BDS/0700-4055 ngày 17/08/2017, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CA830338, cấp ngày 24/07/2015 tọa lạc tại thôn 6, xã Đắk Búk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N (tờ bản đồ số 74, thửa đất số 13, diện tích 11.042,6m² đất trồng cây lâu năm) và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CA830752, cấp ngày 21/09/2015 tọa lạc tại thôn Đắk T, xã Đắk N'D, huyện Đắk S, tỉnh Đắk N (tờ bản đồ số 130, thửa đất số 59, diện tích 6.152m² đất trồng cây lâu năm).

Tuy nhiên anh N, chị L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L làm đơn khởi kiện yêu cầu anh N, chị L phải trả cho Ngân hàng số tiền 650.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp anh N, chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đồng bị đơn anh Không Đức N và chị Bùi Thị L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng anh Không Đức N và chị Bùi Thị L không lên làm việc. Tại phiên tòa anh Không Đức N và chị Bùi Thị L vắng mặt không có lý do.

Bên cạnh đó Tòa án làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và báo công lý tuy nhiên anh Không Đức N và chị Bùi Thị L vẫn không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho anh Không

Đức N và chị Bùi Thị L theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do; Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 852.001.364 đồng, gồm tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán hết nợ.

* Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán thiết lập hồ sơ đúng trình tự theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử đúng thành phần; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 299; Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L. Buộc anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L số tiền 852.001.364 đồng (*Tám trăm năm mươi hai triệu không trăm lẻ một nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng*); Trong đó số tiền gốc 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*); Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 30/09/2020 là 71.020.068 đồng (*Bảy mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*); Tiền lãi quá hạn 119.384.610 đồng (*Một trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm mười đồng*); Tiền lãi chậm trả 11.596.686 đồng (*Mười một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng*).

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền chi phí thuê trung tâm đo đạc đối với diện tích đất của anh N, chị L mà nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L đã nộp là 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*). Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) cho nguyên đơn. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Số tiền chi phí cho việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000 đồng. Đối với việc chi phí cho việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú do Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Buộc anh N, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Đây là quan hệ tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L và anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L. Bị đơn anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L cư trú tại thôn 8, xã Đắk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk N.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn lên làm việc. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L đã bỏ đi khỏi địa phương hiện nay không rõ đang làm gì, ở đâu, khi đi không báo cho chính quyền địa phương biết. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Đắk Buk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N, tuy nhiên anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L đã bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không đến Công an xã làm thủ tục tạm vắng nên hiện tại chính quyền địa phương không biết anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L hiện nay đang ở đâu, làm gì. Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự 2015 quy định “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Như vậy việc anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L bỏ đi khỏi địa phương, khi đi không đến Công an xã làm thủ tục tạm vắng đã vi phạm khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án xác định anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L cố tình giấu địa chỉ và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vắng mặt của bị đơn và biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 14/9/2020 anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Vào ngày 24/08/2018, anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L hợp đồng tín dụng số 848/18/HĐTD/0700-5721 để vay số tiền 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*). Mục đích vay vốn đầu tư chăm sóc cà phê, hồ tiêu, nuôi bò và mua thiết bị sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay 12 tháng, thời hạn thanh toán vào ngày 24/08/2019. Lãi suất cho vay 10,44%/năm, trong suốt thời gian của hiệu lực hợp đồng tín dụng, lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo quy định của bên Ngân hàng Kiên L theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi 0,05%/ngày. Hình thức thanh toán vốn vay trả lãi cuối kỳ. Lãi tiền vay trả 06

tháng/lần. Ngân hàng đã giải ngân đủ cho anh N, chị L vào ngày 24/08/2018. Tuy nhiên anh N, chị L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Không Đức N và chị Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng số tiền 650.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán hết nợ.

[4] *Nhận định của Hội đồng xét xử:*

[4.1] Hợp đồng tín dụng số 848/18/HĐTD/0700-5721, ngày 24/08/2018 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 862/17/HĐTC-BDS/0700-4055 và 862.01/17/HĐTC-BDS/0700-4055 ngày 17/08/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L và vợ chồng anh Không Đức N, chị Bùi Thị L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức. Ngân hàng đã giải ngân đủ cho anh N, chị L. Quá trình thực hiện giao dịch các đương sự có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, thỏa thuận hợp đồng. Do đó, các hợp đồng nêu trên là hợp pháp.

[4.2] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 429 của Bộ luật dân sự, việc Ngân hàng khởi kiện là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

[4.3] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 848/18/HĐTD/0700-5721 ngày 24/08/2018, anh N, chị L có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền 650.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi trong hạn 10,44%/năm, trong suốt thời gian của hiệu lực hợp đồng tín dụng này, lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo quy định của bên Ngân hàng Kiên L theo từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày. Hình thức thanh toán: vốn vay trả lãi cuối kỳ. Lãi tiền vay trả 06 tháng/lần. Ngân hàng đã giải ngân đủ cho anh N, chị L vào ngày 24/08/2018.

Tuy nhiên anh N, chị L mới thanh toán cho Ngân hàng 6 tháng tiền lãi đầu tiên khoảng 17.648.877 đồng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã thông báo yêu cầu anh N, chị L thanh toán các khoản tiền vay cho Ngân hàng nhiều lần nhưng anh N, chị L bỏ đi khỏi địa phương không thông báo gì cho Ngân hàng biết. Do đó, anh N, chị L là người vi phạm hợp đồng. Việc Ngân hàng khởi kiện buộc anh N, chị L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4.4] Về lãi suất: Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 848/18/HĐTD/0700-5721 ngày 24/08/2018 anh N, chị L phải chịu tiền lãi trong hạn 10,44%/năm, trong suốt thời gian của hiệu lực hợp đồng tín dụng này, lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo quy định của bên Ngân hàng Kiên L theo từng thời kỳ (*Sau 03 tháng kể từ thời điểm thay đổi lãi suất vay đầu tiên, hoặc khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng lãi suất cơ bản của loại tiền đang vay, hoặc khi có thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất, mà các thay đổi đó làm cho lãi suất cho vay (có thể được áp dụng theo các quy định của*

pháp luật) tăng lên. Trong trường hợp thay đổi lãi suất cho vay thì lãi suất cho vay mới được tính bằng lãi tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Kiên Long tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,69%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị). Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả lãi: 0,05%/ngày. Tính đến ngày 30/9/2020 anh N, chị L còn nợ Ngân hàng các khoản cụ thể như sau: Tiền gốc: 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng); Lãi trong hạn 71.020.068 đồng (Bảy mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm sáu mươi tám đồng); Phạt chậm trả 11.596.686 đồng (Mười một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng); Lãi quá hạn 119.384.610 đồng (Một trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm mười đồng). Tổng cộng 852.001.364 đồng (Tám trăm năm mươi hai triệu không trăm lẻ một nghìn ba trăm sáu mươi tư đồng).

[4.5] Về tài sản bảo đảm: Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 862/17/HĐTC-BĐS/0700-4055 và 862.01/17/HĐTC-BĐS/0700-4055 ngày 17/08/2017, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CA830338, cấp ngày 24/07/2015 tọa lạc tại thôn 6, xã Đắc Búk S, huyện Tuy Đ, tỉnh Đắk N (tờ bản đồ số 74, thửa đất số 13, diện tích 11.042,6m² đất trồng cây lâu năm) và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CA830752, cấp ngày 21/09/2015 tọa lạc tại thôn Đắc T, xã Đắc N'D, huyện Đắc S, tỉnh Đắk N (tờ bản đồ số 130, thửa đất số 59, diện tích 6.152m² đất trồng cây lâu năm). Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tài sản thế chấp, kết quả tài sản thế chấp đúng với hiện trạng theo giấy chứng nhận số CA830338, cấp ngày 24/07/2015 tại t tờ bản đồ số 74, thửa đất số 13, diện tích 11.042,6m² và giấy chứng nhận số CA830752, cấp ngày 21/09/2015, tờ bản đồ số 130, thửa đất số 59, diện tích 6.152m² đất trồng cây lâu năm (cà phê), không có sự biến động. Trên thửa đất tại thôn Đắc Tiên có 01 nhà xây cấp bốn, mái ngói, nền gạch. Trường hợp anh N, chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắc L có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 862/17/HĐTC-BĐS/0700-4055 và 862.01/17/HĐTC-BĐS/0700-4055 ngày 17/08/2017 để thu hồi nợ.

Từ những phân tích trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắc L buộc anh N, chị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắc L số tiền 852.001.364 đồng. Trong đó tiền gốc: 650.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 30/09/2020 là 202.001.364 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng: Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền chi phí thuê trung tâm đo đạc đối với diện tích đất của anh N, chị L mà nguyên đơn đã nộp là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) cho nguyên đơn. Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Số tiền chi phí cho việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000 đồng. Đối với việc chi phí cho việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú do Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.560.040 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L số tiền 16.414.000 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002677, ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 385 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L.

Buộc anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L số tiền 852.001.364 đồng (*Tám trăm năm mươi hai triệu không trăm lẻ một nghìn ba trăm sáu mươi bốn đồng*); Trong đó tiền gốc: 650.000.000 (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*); Lãi trong 71.020.068 đồng (*Bảy mươi mốt triệu không trăm hai mươi nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*); Phạt chậm trả 11.596.686 đồng (*Mười một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm tám mươi sáu đồng*); Lãi quá hạn 119.384.610 đồng (*Một trăm mười chín triệu ba trăm tám mươi tư nghìn sáu trăm mười đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất tính trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 848/18/HĐTD/0700-5721, ngày 24/08/2018 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp anh Khổng Đức N và chị Bùi Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế

chấp theo hợp đồng thế chấp số 862/17/HĐTC-BDS/0700-4055 và 862.01/17/HĐTC-BDS/0700-4055, ngày 17/08/2017 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Án phí dân sự là 37.560.040 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng*). Buộc anh Không Đức N và chị Bùi Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 37.560.040 đồng (*Ba mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm bốn mươi đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L số tiền 16.414.000 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002677, ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc tổng cộng là 7.000.000 đồng. Buộc bị đơn anh Không Đức N và chị Bùi Thị L phải trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Kiên L – Chi nhánh Đắk L số tiền 7.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và tiền đo đạc.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk N;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi Cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Long Ca